TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN TỊNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **116**/2021/HNGĐ-ST Ngày: 29- 9- 2021 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lữ Xuân Ánh;

2- Ông Hoàng Văn Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Danh- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Bích T,** sinh năm: 1993
Địa chỉ: Đội 1, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.(có mặt).
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy N**, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Đội 4, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06- 7- 2021, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị Bích T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Duy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 17/8/2015 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn là hai bên không có tiếng nói chung, quan điểm sống khác biệt, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, hiện nay mỗi người sống mỗi nơi, đã ly

thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay, Chị không còn thương yêu anh N nữa, nếu tình trạng này kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được Chị yêu cầu giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy N.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/04/2016 và Nguyễn Thiên H, sinh ngày 02/4/2019; Hiện nay hai con đang sống chung với chị T. Trong đơn khởi kiện Chị trình bày khi ly hôn Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi các con hàng tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng), nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T rút phần yêu cầu cấp dưỡng;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Duy N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị T đã trình bày. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

2. Về nuôi con: Có 02 con chung là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/04/2016 và Nguyễn Thiên H, sinh ngày 02/4/2019. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Anh có yêu cầu phản tố: Yêu cầu chị Trương Thị Bích T phải trả lại cho Anh 03 chỉ vàng (½ số tài sản 06 chỉ vàng) mà khi mới kết hôn vợ chồng còn dư lại.

4. Về nợ chung: Không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trương Thị Bích T với anh Nguyễn Duy N.

+ Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bích T. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/4/2016 và cháu

Nguyễn Thiên H, sinh ngày 02/4/2019, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

Không chấp nhận phần yêu cầu của anh Nguyễn Duy N về việc giao con Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/04/2016 và Nguyễn Thiên H, sinh ngày 02/4/2019 cho Anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy N có yêu cầu phản tố yêu cầu chị Trương Thị Bích T phải trả lại cho Anh 03 chỉ vàng (½ số tài sản chung của vợ chồng là 06 chỉ vàng) mà khi mới kết hôn vợ chồng còn dư lại. Nhưng anh không làm đơn trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải và cũng không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nên không xem xét.

+ Nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, tranh chấp cấp dưỡng". Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

[**2**] Về hôn nhân: Chị T và anh N tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[**3**] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh, Chị sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị T và anh N đã sống ly thân phần ai nấy sống đã gần một năm. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T cương quyết ly hôn anh N cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về con chung: Xét thấy anh Nguyễn Duy N và chị Trương Thị Bích T thống nhất có hai con chung là cháu là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/4/2016 và Nguyễn Thiên H, sinh ngày 02/4/2019, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con từ cuối năm 2020 cho đến nay. Chị làm Công ty tài chính ShinHan Việt Nam, thu nhập ổn định, điều kiện chăm sóc con đầy đủ. Anh N trình bày đi làm công nhân thu nhập không ổn định, chưa có nhà cửa, sống ở nhà của cha mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu, cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên P và Nguyễn Thiên H là phù hợp với các Điều 81,

82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện Chị T trình bày khi ly hôn Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, nhưng tại phiên tòa Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con nên đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

[**5**] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy N có yêu cầu phản tố yêu cầu chị Trương Thị Bích T phải trả lại cho Anh 03 chỉ vàng (½ số tài sản chung của vợ chồng là 06 chỉ vàng) mà khi mới kết hôn vợ chồng còn dư lại. Ngày 06/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi có văn bản số 656/TB-TA "Thông báo về việc nộp đơn yêu cầu phản tố" nhưng anh N không làm đơn trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải và cũng không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nên không xem xét.

[**6**] Về nợ chung: Chị T, anh N khai không có, nên không xem xét.

[**7**] Về án phí: Chị Trương Thị Bích T nộp để sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[**8**] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trương Thị Bích T và anh Nguyễn Duy N.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bích T. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/4/2016 và cháu Nguyễn Thiên H, sinh ngày 02/4/2019, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

Không chấp nhận phần yêu cầu của anh Nguyễn Duy N về việc giao con Nguyễn Thiên P, sinh ngày 04/4/2016 và Nguyễn Thiên H, sinh ngày 02/4/2019 cho Anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí:

- Chị Trương Thị Bích T nộp để sung vào công quỹ Nhà nước 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0006303 ngày 06-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thượng Trọng Ký

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã T, huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.